

Bản án số: 23/2018/DS-PT

Ngày: 19 - 01 - 2018

V/v tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Minh Tấn

Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2017/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2017/DS-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2017/QĐPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1950 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã K1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị E, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã K1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1952 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Lê Kim H1, sinh năm 1959 (có mặt)

3. Bà Lê Kim H2, sinh năm 1964 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Lê Văn N, sinh năm 1958 (xin vắng mặt)

Đại chỉ: Ấp K, xã K1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

5. Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1967 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã K1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

6. Chị Lê Trúc L, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

7. Chị Lê Thùy L1, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của chị Thùy L1: Bà Châu Ánh H, sinh năm 1970 là mẹ ruột của Lê Thùy L1 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã K2, huyện T, tỉnh Cà Mau.

8. Lê Trọng N1, sinh năm 1995 (xin vắng mặt)

9. Lê Công H, sinh năm 1996 (xin vắng mặt)

10. Lê Văn T2, sinh năm 1970 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã K1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn T – Nguyên đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Lê Văn T trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp có diện tích 21.000 m², tọa lạc tại ấp C, xã K1, huyện T, tỉnh Cà Mau là của cha mẹ ông là cụ Lê Văn Phát (chết năm 2012) và Dương Thị Ba (chết năm 2009). Cha, mẹ ông có 08 người con gồm Lê Thị Đ, Lê Văn T, Lê Kim H1, Lê Văn N, Lê Kim H2, Lê Thanh T1, Lê Thanh Hoàng, Lê Thị E. Trong đó, Lê Thanh Hoàng chết năm 2014, có vợ là Châu Ánh H cùng hai con Lê Trúc L, Lê Thùy L1. Cha mẹ ông có tài sản là phần đất diện tích 21.000 m², theo đo đạc thực tế là 21.948 m², tọa lạc tại ấp C, xã K1, huyện T, tỉnh Cà Mau, hiện Lê Thị E đang quản lý. Phần đất hiện nay vẫn đứng tên của cụ Lê Văn Phát. Khi chết, cha ông không để lại di chúc cho ai. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được chia thừa kế phần đất trên. Ông không yêu cầu chia tài sản trên đất, cũng như không yêu cầu chia căn nhà trên đất.

Bị đơn Bà Lê Thị E trình bày: Bà thống nhất cha mẹ ông, bà có 08 người con như ông T trình bày. Phần đất diện tích 21.100 m² tọa lạc tại ấp C, xã K1, huyện T, tỉnh Cà Mau. Phần đất này Bà được cha mẹ bà cho đất vào năm 2008. Bà đã làm hợp đồng chuyển nhượng đất từ cụ Lê Văn Phát chuyển sang cho bà nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do có tranh chấp ranh đất với Lê Chí Tâm con của ông T. Do phần đất này, cha mẹ đã cho lại bà trước khi chết nên phần đất này là của bà. Bà không đồng ý chia đất cho ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lê Kim H1 trình bày: Cha mẹ bà đã phân chia đất và tài sản cho các anh em của bà xong. Phần đất còn lại cha mẹ bà đã cho Lê Thị E. Bà không yêu cầu quyền lợi gì trong vụ án này. Nếu được chia thừa kế, bà để lại cho Lê Thị E hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lê Kim H2 trình bày: Cha mẹ bà đã phân chia đất và tài sản cho các anh em của bà xong. Phần đất còn lại cha mẹ bà đã cho Lê Thị E, bà không yêu cầu quyền lợi gì trong vụ án này. Nếu được chia thừa kế, bà để lại cho Lê Thị E hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lê Thanh T1 trình bày: Cha mẹ ông đã phân chia đất và tài sản cho các anh em của ông xong. Phần đất còn lại cha mẹ ông đã cho Lê Thị E. Ông không yêu cầu quyền lợi gì trong vụ án này. Nếu được chia thừa kế, ông để lại cho Lê Thị E hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đ trình bày: Phần đất 21.000 m² là của cha mẹ bà là cụ Lê Văn Phát và Dương Thị Ba. Cụ Phát và cụ Ba khi chết không để lại di chúc. Bà xác định phần đất trên là di sản thừa kế. Bà

không có yêu cầu chia thừa kế và từ chối hưởng thừa kế. Bà yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Lê Trúc L trình bày: Chị là con của ông Lê Thanh Hoàng, ông Hoàng chết năm 2014. Chị không yêu cầu chia thừa kế phần đất trên.

Bà Châu Ánh H đại diện theo pháp luật của bà Lê Thùy L1 trình bày: Lê Thùy L1 là con của ông Lê Thanh Hoàng, ông Hoàng chết năm 2014. Lê Thùy L1 không yêu cầu chia thừa kế phần đất trên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N trình bày: Phần đất Ông Lê Văn T kiện Bà Lê Thị E đòi chia thừa kế có nguồn gốc là của cha mẹ ông là ông Lê Văn Phát (đã chết) và bà Dương Thị Ba (đã chết) trước khi chết đã để lại cho Bà Lê Thị E. Khi cha, mẹ ông cho đất có lập di chúc, có anh, em ký tên. Các anh em ông, ai cũng được chia phần, ai không có đất thì được chia tiền. Ông T đã được cha ông cho phần đất giáp ranh với đất đang tranh chấp, ông T đã để lại cho con ông T là Lê Chí Tâm. Lê Thị E là người sống chung và nuôi cha mẹ và thờ cúng nên để lại đất trên cho Lê Thị E thờ cúng. Ông đã được cho đất xong nên ông không yêu cầu quyền lợi gì. Nếu ông được chia thừa kế thì ông cho Lê Thị E.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T2, Lê Trọng N1, Lê Công H yêu cầu hòa giải, xét xử vụ án vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 71/2017/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 122, 124, 722 Bộ luật dân sự; Điều 129 Luật Đất đai năm 2003; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị định số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Văn T kiện đòi Bà Lê Thị E chia thừa kế phần đất có diện tích 2.662,51 m² do ông Lê Văn Phát đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, phần đất tọa lạc tại ấp C, xã K1, huyện T, tỉnh Cà Mau. Bà Lê Thị E liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn T phải chịu 4.181.000 đồng. Ông T có dự nộp 1.300.000 đồng tại biên lai thu số 0005392 ngày 14/12/2015 được chuyển thu đối trừ, ông T còn phải nộp số tiền 2.881.000 đồng.

Ông Lê Văn T phải chịu chi phí đo đạc là 4.772.000 (Bốn triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn) đồng, ông T đã nộp xong.

Ông Lê Văn T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Ông T đã nộp xong số tiền này.

Ngày 22/9/2017 Ông Lê Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, kể cả án phí, lệ phí đo đạc, chi phí thẩm định với nội dung: Cha mẹ ông tạo lập được 20.000m², nay cha mẹ ông qua đời không để lại di chúc, do đó phần đất này phải được chia đều cho những người có yêu cầu. Trong biên bản họp gia đình ngày

06/6/2008 với nội dung cho đất Bà Lê Thị E là do bà E làm giả vì có chữ ký của ông nhưng thực tế ông không ký biên bản này.

Ngày 26/9/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện T kháng nghị bản án với nội dung: Theo khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/02/2009 và Điều 12 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bản án sơ thẩm tuyên xử Bà Lê Thị E liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là chưa chính xác. Ông Lê Thanh Hoàng chết vào năm 2014 là chết sau thời điểm cụ Lê Văn Phát và Dương Thị Ba chết, ông Hoàng không để lại di chúc nên người thừa kế theo pháp luật là bà Châu Ánh H, cấp sơ thẩm chỉ đưa con ông Hoàng tham gia tố tụng, không đưa bà H vào tham gia tố tụng là vi phạm Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Lê Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau rút một phần kháng nghị đối với nội dung đưa bà Châu Ánh H tham gia tố tụng, các nội dung khác vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Ông T tranh luận: Phần đất tranh chấp của cụ Phát chưa chia, yêu cầu chia, biên bản họp thân tộc do bà E làm giả.

Bà E tranh luận: Bà đã được cụ Phát tặng cho quyền sử dụng đất khi cụ phát còn sống, ông T không tranh chấp, bà tiến hành đăng ký kê khai nhưng do anh Tâm là con ông T tranh chấp nên bà không thực hiện được việc đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có bản án sơ thẩm do huyện T giải quyết thể hiện nội dung bà kiện anh Tâm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời với nội dung chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về xác định lại mối quan hệ tranh chấp, không tuyên nội dung Bà Lê Thị E liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không buộc ông T phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T liên quan đến phần án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế vì phần đất cha mẹ ông chết không để lại di chúc và biên bản họp gia đình ngày 16/6/2008 do bà E làm giả. Ông yêu cầu được nhận 1/8 của diện tích đất 21.300,1 m² là 2.662,51 m².

Xét nguồn gốc phần đất tranh chấp, các đương sự đều thừa nhận của cụ Lê Văn Phát và Dương Thị Ba là cha, mẹ của nguyên đơn, bị đơn. Ông Lê Văn T cho rằng phần đất trên cụ Phát chưa chia đất cho các con nên ông yêu cầu được chia

thừa kế. Trong khi, Bà Lê Thị E cho rằng phần đất tranh chấp này bà đã được cụ Lê Văn Phát tặng cho khi còn sống nên phần đất này là của bà.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Phần đất tranh chấp do bà E canh tác quản lý khi cụ Phát còn sống. Khi cụ Phát còn sống có lập biên bản họp gia đình ngày 16 tháng 6 năm 2008, các anh chị em ông T đều thừa nhận nội dung biên bản họp gia đình là đúng. Mặc dù ông T không thừa nhận chữ ký trong biên bản ngày 16/6/2008 thì cụ Phát và cụ Ba cũng vẫn có quyền định đoạt phần đất của các cụ. Biên bản họp gia đình ngày 16 tháng 6 năm 2008 đã được Ủy ban nhân dân xã K1, huyện T, tỉnh Cà Mau xác nhận vào ngày 17 tháng 8 năm 2008. Ông Dương Hoàng Vũ là Phó chủ tịch UBND xã K1 xác nhận: Ông có ký xác nhận việc tặng cho đất của cụ Lê Văn Phát.

Bản án sơ thẩm nhận định “Việc Bà Lê Thị E được cho đất đã được chính quyền địa phương xác nhận và việc Bà Lê Thị E không thể chuyển tên quyền sử dụng đất từ cụ Phát sang cho bà E là do diện tích đất của ông Phát trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhỏ hơn diện tích đất đo đạc thực tế của Văn phòng đăng ký đất đai nên ông Lê Chí Tâm không chịu ký giáp ranh” là có cơ sở. Bà E đã được tặng cho quyền sử dụng đất và thực hiện các trình tự theo luật định để được cấp quyền sử dụng đất nhưng do có lý do ngoài ý muốn nên bà E chưa được cấp quyền sử dụng đất, thể hiện tại ý kiến của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nội dung “Đủ điều kiện cấp đổi GCNQSD đất cho hộ Bà Lê Thị E và ông Lê Văn T2” (BL 130- 131). Do đó cấp sơ thẩm mới nhận định biên bản họp gia đình ngày 16 tháng 6 năm 2008 và hợp đồng tặng cho đất đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện T, tỉnh Cà Mau và đã chuyển tới Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất là có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 129 Luật Đất đai năm 2003. Nhận định này là có căn cứ, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 2.662,51 m².

[2] Đối với việc xác định mối quan hệ tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là không đúng với bản chất của vụ án. Ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất, nguồn gốc thực tế phần đất hai bên tranh chấp cũng không phải là của bên bà E và ông T mà là của cụ Phát và cụ Ba. Khi thụ lý xác định quan hệ tranh chấp là chia thừa kế quyền sử dụng đất, nếu quá trình giải quyết xác định đất là của phía bị đơn thì xuất phát việc tranh chấp cũng là quyền sử dụng đất của cụ Phát cho lại bà E nên nếu có căn cứ thì chấp nhận yêu cầu của ông T, không có căn cứ thì không chấp nhận yêu cầu. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T kháng nghị nội dung này là có cơ sở, cần chấp nhận và điều chỉnh lại cho đúng mối quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

[3] Bản án sơ thẩm quyết định “Bà Lê Thị E liên hệ cơ quan có thẩm quyền để chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật”, Quyết định của cấp sơ thẩm là vượt quá phạm vi khởi kiện, vì ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là đúng, tuy nhiên lại quyết định như nêu trên trong khi bà E không có yêu cầu phản tố. Theo khoản 1, Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự có quy định “...Tòa án chỉ thụ lý

giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”. Quyết định nêu trên là vượt quá phạm vi khởi kiện. Do đó, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T tuyên án lại cho đúng với nội dung vụ án.

[4] Bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T nhưng lại buộc ông T chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 4.181.000 đồng là không đúng quy định tại khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí và Điều 12 của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án phí, lệ phí. Theo các điều luật nêu trên thể hiện nội dung đương sự phải chịu án phí tương ứng với phần giá trị di sản họ được chia, được hưởng, nếu bác yêu cầu thì họ không phải chịu án phí. Do đó, chấp nhận kháng cáo của ông T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, không buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông T phải chịu án phí không có giá ngạch là 200.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau rút phần kháng nghị liên quan đến nội dung đưa bà Châu Ánh H vào tham gia tố tụng với lý do bà H từ chối tham gia tố tụng, bà không yêu cầu gì liên quan đến phần đất đang tranh chấp. Do đó chấp nhận rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, đình chỉ xét xử phúc thẩm liên quan đến việc đưa bà Châu Ánh H tham gia tố tụng. Nội dung khác đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T liên quan đến án phí sơ thẩm. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là có cơ sở nên được chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của Ông Lê Văn T được chấp nhận một phần nên ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2, khoản 5 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Ông Lê Văn T về án phí. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Lê Văn T về yêu cầu chia thừa kế, chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần đối với nội dung kháng nghị đưa bà Châu Ánh H vào tham gia tố tụng.

Sửa bản án sơ thẩm số 71/2017/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Văn T kiện đòi Bà Lê Thị E chia thừa kế phần đất có diện tích 2.662,51m² do cụ Lê Văn Phát đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, phần đất tọa lạc tại ấp C, xã K1, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng. Ngày 14/12/2015 ông T có dự nộp 1.300.000 đồng tại biên lai thu số 0005392 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu, ông T được nhận lại 1.100.000 đồng.

Ông Lê Văn T phải chịu chi phí đo đạc là 4.772.000 (Bốn triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn) đồng, ông T đã nộp xong.

Ông Lê Văn T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá số tiền 2.000.000 đồng, ông T đã nộp xong.

Án phí dân sự phúc thẩm Ông Lê Văn T không phải chịu. Ngày 22/9/2017 ông T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007316 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được nhận lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà